

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-PT

Ngày 20/12/2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường và bà Đoàn Thị Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con";

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 03/12/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị M, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương;

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương;

3. **Người làm chứng:** Ông Bùi Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn anh Bùi Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị M và anh Bùi Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày

22/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình anh N, đến năm 2014 thì ra ở riêng tại khu chuyển đổi. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, anh N chơi bời, rượu chè, cờ bạc, mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn, anh lại đánh đập, chửi mắng, xúc phạm chị. Bên cạnh đó anh không chung thủy với chị và có người phụ nữ khác. Mặc dù chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do cuộc sống không có hạnh phúc nên tháng 11/2023, chị đã đưa các con ra ngoài thuê nhà trọ ở cùng thôn sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, anh N không liên lạc, không quan tâm và không tìm đón chị về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Theo anh N trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến cãi vã, xô xát. Bên cạnh đó chị M ghen tuông vô cớ nên mâu thuẫn càng thêm trầm trọng. Từ đó chị M đã đưa các con đi thuê nhà trọ ở cùng thôn sinh sống, anh đã tìm nhiều biện pháp và nhờ hai bên gia đình tác động, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị M xin ly hôn, anh không nhất trí, trường hợp chị M cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận nhưng không ký bất kỳ văn bản nào vì anh là người công giáo.

Về con chung: Chị M, anh N có 03 con chung là Bùi Văn P, sinh ngày 12/01/2007, Bùi Thị Trà M1, sinh ngày 08/4/2014 và Bùi Thái H1, sinh ngày 26/11/2016, hiện các con đang ở với chị M. Chị M đề nghị được nuôi dưỡng ba con chung, trường hợp anh N không đồng ý thì chị xin nuôi dưỡng con Trà M1 và con Thái H1 để anh N nuôi dưỡng con Bùi Văn P. Chị tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N đề nghị được nuôi dưỡng con T để chị M nuôi dưỡng con Bùi Văn P và con T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị M và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Bùi Văn H (bố đẻ anh N) trình bày: Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng với ông bà một thời gian thì ra ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều, ngoài ra do chị M ghen tuông vô cớ từ đó mà vợ chồng xô xát, cãi vã. Tháng 11/2023 chị M đưa các con ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải, động viên nhưng không có kết quả. Ông đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, cùng nuôi dạy con chung. Anh N, chị M có ba con chung như anh chị đã trình bày,

trường hợp Tòa án giao con cho anh N nuôi dưỡng, ông bà nhất trí hỗ trợ anh N trong việc chăm sóc các cháu với những điều kiện tốt nhất.

Biên bản xác minh tại UBND xã H thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều. Ngoài ra, chị M cho rằng anh N không chung thủy với chị, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Tháng 11/2023, chị M đưa các con ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống ở cùng thôn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 03 con chung, hiện đang ở với chị M và được chị nuôi dưỡng phát triển tốt. Chị M và anh N đều đi làm, chị M làm công nhân, anh N là lái xe tải và đều có thu nhập, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 10/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị **Đinh Thị M** được ly hôn anh Bùi Văn N.
2. Về con chung: Giao cho chị **Đinh Thị M** được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Thị Trà M1, sinh ngày 08/4/2014 và Bùi Thái H1, sinh ngày 26/11/2016; giao cho anh Bùi Văn N được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Văn P, sinh ngày 12/01/2007 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là anh Bùi Văn N kháng cáo một phần bản án, theo đó anh N không đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Bùi Văn P mà đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Bùi Thái H1 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị M không đồng ý với kháng cáo của anh N, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về

việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ về phần nuôi dưỡng con chung. Anh Bùi Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Bùi Văn N trong thời gian luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Bùi Văn N: Tại cấp sơ thẩm, chị M và anh N không thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng con chung. Chị M đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung, trường hợp anh N không đồng ý thì chị đề nghị được nuôi con Bùi Thị Trà M1 và con Bùi Thái H1. Tuy nhiên anh N không đồng ý quan điểm của chị M, anh đề nghị được nuôi dưỡng con Bùi Thái H1, để chị M nuôi dưỡng con Bùi Văn P và con Bùi Thị Trà M1. Quá trình giải quyết vụ án cả ba con đều có nguyện vọng được ở với chị M. HĐXX thấy cả chị M và anh N đều có thu nhập ổn định, đều được gia đình hỗ trợ về chỗ ở và điều kiện chăm sóc các con, nguyện vọng được nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Mặc dù từ khi chị M dọn nhà ra ngoài sinh sống, chị vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, nhưng khi giải quyết việc nuôi con chung, vẫn cần xem xét giao con cho anh N nuôi dưỡng để đảm bảo đời sống của các con cũng như quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc con của bố mẹ. Hiện nay anh N làm nghề lái xe tải, thường xuyên vắng nhà, trong khi cháu M1 và cháu H1 vẫn còn nhỏ, cần có sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ nhiều hơn, cháu P lớn hơn (đang học lớp 12), có thể tự chăm sóc cho bản thân và chủ động được trong sinh hoạt, học tập khi không có bố mẹ ở bên cạnh. Do đó, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện kinh tế và thực tế của các bên, nguyện vọng của các con để giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu M1 và cháu H1, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu P là phù hợp. Anh N kháng cáo xin nhận nuôi cháu H1 (không đồng ý nuôi cháu P) nhưng không đưa ra được lý do chính đáng, trong khi đó cháu H1 có đơn đề nghị được ở với mẹ là chị M, không muốn ở với anh N nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Bùi Văn N không được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng

cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Văn N, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương về việc nuôi dưỡng con chung.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị M được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Thị Trà M1, sinh ngày 08/4/2014 và Bùi Thái H1, sinh ngày 26/11/2016; giao cho anh Bùi Văn N được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Văn P, sinh ngày 12/01/2007 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Bùi Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000 đồng anh N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005685 ngày 30/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ. Anh N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu

